TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2023
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thủy.

2. Ông Lê Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Trần Văn C, sinh năm 1964; cư trú tại: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Văn C bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống đến nay cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm và ghen tuông vô cớ, xúc phạm bà.

Ông bà còn chung sống với nhau nhưng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: bà và ông C có 03 người con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 06/9/1993, Trần Thị Yến N, sinh ngày 02/5/2001 và Trần Thị Yến N1, sinh ngày 14/02/2003. Hiện nay 03 người con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông thừa nhận những lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn là đúng. Ông bà phát sinh mâu thuẫn được khoảng 02 năm, vợ chồng cãi nhau và sống ly thân đến nay. Ngoài ra giữa các bên không còn mâu thuẫn nào khác. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: ông thừa nhận những lời trình bày của bà Lê Thị Thúy H về họ tên, ngày tháng năm sinh của 03 người con chung, ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: bà H, ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật đúng theo quy định; xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về hôn nhân: không công nhận bà Lê Thị Thúy H và ông Trần Văn C là vợ chồng.

Về con chung: 03 người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 06/9/1993, Trần Thị Yến N, sinh ngày 02/5/2001 và Trần Thị Yến N1, sinh ngày 14/02/2003. Hiện nay 03 người con chung đã trưởng thành, không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

Về án phí: bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng năm 1991. Các bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C.

[3] Về con chung: bà H và ông C có 03 người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 06/9/1993; Trần Thị Yến N, sinh ngày 02/5/2001 và Trần Thị Yến N1, sinh ngày 14/02/2003 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà H, ông C không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14 và 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H đối với ông Trần Văn C về việc tranh chấp ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thúy H với ông Trần Văn C. Bà H và ông C không có quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: 03 người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 06/9/1993; Trần Thị Yến N, sinh ngày 02/5/2001 và Trần Thị Yến N1, sinh ngày 14/02/2003 đã thành niên, bà H và ông C không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà H, ông C không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004289 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải